

Giám đốc Nha Quân nhu, đang ở giai đoạn điều tra, lấy lời khai.

Lúc này, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra nghị quyết chấn chỉnh tổ chức, kiện toàn bộ máy các cơ quan Bộ Quốc phòng – Tổng Tư lệnh. Sau đó, ngày 11 tháng 7 năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập ba cơ quan: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp. Các nha trước đây đảm nhiệm việc sản xuất quân trang, quân dụng nay sáp nhập vào các cục. Nha Quân nhu sáp nhập vào Cục Quân nhu, trực thuộc Tổng cục Cung cấp, do đồng chí Trần Đăng Ninh, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Trưởng ban Kiểm tra Trung ương Đảng, làm Chủ nhiệm Tổng cục.

Trần Dụ Châu ngồi khai trước các cơ quan pháp luật: Sinh năm 1906 tại một tỉnh miền Trung, Châu bước vào đời bằng việc đi làm thư kí Tòa sứ Pháp. Thấy Châu vừa đi làm vừa viết báo *Thanh - Nghệ - Tĩnh*, e lộ chuyện công sở, Tòa sứ cho Châu thôi việc. Châu chuyển sang làm nhân viên quận Hỏa xa Bắc Trung Kỳ.

Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương tháng 3 năm 1945, Châu được cử làm Trưởng phòng Kế toán Hỏa xa Bắc Trung Kỳ. Nhờ quen biết người Nhật, Châu lấy được một kho vải ở huyện Đức Phong, bán đi có tiền tậu một biệt thự ở Đà Lạt.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 bùng nổ, Châu hiến cho Nhà nước một phần tài sản của mình, rồi hoạt động trong Ủy ban Công sở Nha Hỏa xa Việt Nam và Hội Công

nhân cứu quốc Hỏa xa. Ngày Toàn quốc kháng chiến, Châu ra Bắc, được giao việc chạy một kho hàng lớn với hơn ngàn tấn gạo, muối ở Vân Đình (Hà Đông), đưa lên Việt Bắc cho bộ đội.

Là một người tháo vát, năng động, có đầu óc kinh doanh, Châu được vào làm ở Cục Quân nhu. Sau một thời gian làm tốt công việc cung cấp lương thực, trang bị cho bộ đội, Châu được phong quân hàm Đại tá, làm Giám đốc Nha Quân nhu. Lúc đó, Cục Quân nhu chỉ phụ trách việc quản lí, quản trị, còn Nha Quân nhu mới có nhiệm vụ trực tiếp sản xuất quân trang, quân dụng. Có địa vị cao, quyền hành rộng, nắm trong tay hàng trăm triệu đồng, cơ chế kiểm tra, kiểm soát lại lỏng lẻo, Trần Dụ Châu không tự kiềm chế nổi nên đi dần vào con đường tội lỗi.

Châu lấy cắp của công quỹ một số tiền lớn: 57.959 đồng Việt Nam, 149 đô-la Mỹ, các tài sản khác trị giá 143.900 đồng Việt Nam. (Giá gạo ở Thái Nguyên – Bắc Cạn năm 1950 là 50 đồng/kg, còn chiến sĩ ta mỗi ngày chỉ được cấp vài lạng gạo và hơn 10 đồng tiền thức ăn). Ngoài ra, Châu còn nhận hối lộ khá nhiều tiền; chuyên quyền, độc đoán, sống sa đọa, đồi trụy. Ủy ban Tiếp liệu Thu - Đông 1949, các kho số 1, 4, 10 thường xuyên nộp cho Châu tiền tiêu, rượu, đồ hộp, hải sản khô, thuốc lá, quần áo, chăn len... Châu tuyển người, thả người theo ý thích cá nhân, vung tiền bao gái. Có lần dùng ô-tô công đưa gái đi chơi Bắc Cạn. Châu đan dứu với một nữ nhân viên xinh đẹp, bổ nhiệm làm “bí thư văn phòng” của

Nha, làm việc cùng buồng, ăn ở cùng nhà với Châu. Giữa lúc nữ bí thư đi dự lớp huấn luyện thì Châu đưa từ Phú Thọ về cơ quan một cô gái, giới thiệu là em nuôi, suốt ngày ở trong buồng riêng của Châu. Nữ bí thư từ lớp học về bất chợt bắt gặp và đã xảy ra một cuộc đánh ghen âm ỉ.

Tiếng tăm ăn chơi của Châu nổi như cồn ở Hanh Cù, Phú Thọ, một thị trấn sầm uất. Tối đến cả đường phố dài rực sáng ánh đèn măng-sông, với nhiều hiệu ăn sang trọng và cửa hàng đầy ắp hàng tiêu dùng nước ngoài. Mỗi lần về công tác ở Liên khu X (gồm các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang...), Châu đều đưa bạn bè đến chè chén ở đây, nhất là ở nhà hàng Ba Đình. Cũng tại thị trấn này, Châu tổ chức đám cưới cho Bùi Minh Trân, Trưởng ban Mậu dịch của Quân giới Liên khu Việt Bắc, tiêu tốn hàng vạn đồng. Báo *Cứu Quốc* đã có bài phê bình kịch liệt đám cưới này, còn nhân dân Phú Thọ thì nói rằng “đã làm váng đục cả một khúc sông Thao”. Chính từ thị trấn Hanh Cù bắt đầu có những bức thư tố cáo Trần Dụ Châu gửi đến các cơ quan có liên quan.

Thầy nào trò ấy

Tay chân đắc lực của Trần Dụ Châu là Lê Sĩ Cửu. Cửu sinh tại một tỉnh miền Trung, kém Châu 10 tuổi, mồ côi cha mẹ từ năm 8 tuổi. Năm 12 tuổi, hấn ra Móng Cái, đi làm cho một nhà buôn Hoa Kiều; lớn lên tham gia buôn thuốc phiện lậu trên đường Móng Cái - Hải Phòng. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Cửu trở về miền Trung,

vào làm công an, nhưng được ít ngày thì bị đuổi, liền quay ra Bắc. Sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Cửu gặp và được Châu giới thiệu vào làm ở Ban Vận tải quân giới. Một thời gian sau, lại bị đuổi việc, Cửu lần mò lên Cao Bằng kiếm ăn. Tại đây, tháng 8 năm 1947, gặp lại Châu, Cửu được Châu đưa vào Cục Quân nhu, làm nhân viên tiếp liệu ở Cao Bằng. Vừa xa Nha, vừa được Châu che chở, Cửu lộng hành làm bậy, lấy cắp tiền công, ăn tiêu bừa bãi, thường xuyên lui tới các nhà hàng, tiệm hút vùng Cao Bằng.

Nghe được nhiều tiếng xấu về Cửu, Châu vội rút Cửu về Nha, lập ra một tổ chức mới gọi là “Ban Thế phẩm đay”, giao cho Cửu làm trưởng ban. Châu tuyên truyền âm ĩ rằng, Ban này lo các đồ mặc mùa đông cho bộ đội, từ nay chiến sĩ ta không phải lo đến cái rét ở rừng núi nữa. Thực chất đây chỉ là mảnh khoé tham ô của Châu: lấy ba phần tư số tiền cấp trên phát cho Ban Thế phẩm đay, Châu giao cho Cửu đi buôn lậu.

Lê Sĩ Cửu khai trước Ban Kiểm tra của Bộ Quốc phòng: Mỗi khi đi mua vải về cho Ban Thế phẩm, Cửu cho tăng giá thêm từ 20 đến 25 đồng mỗi tấm để lấy tiền đút lót. Trong một chuyến mua vải mộc và vải diêm bầu, Cửu lấy được 50 vạn đồng. Khi xuất kho vải giao cho cơ sở nhuộm, Cửu chỉ tính số tấm, không tính số vuông; cho xẻ đôi những tấm vải dài để nhuộm, khi nhận về kho số vải đã nhuộm, dôi ra 1.225 tấm vải, bỏ túi riêng được 66 vạn đồng. Người bán vải giao hàng tận kho, không tính tiền

vận chuyển, nhưng Cửu lại tính với Ban phải trả phí vận chuyển. Khi nhà thầu lĩnh hàng thì phải cung cấp đầy đủ khuy cúc, nhưng Cửu tính với Ban tiền khuy cúc riêng. Với hai thủ đoạn trên, Cửu cũng lấy được 4 vạn đồng.

Cửu cho khắc một con dấu giống dấu của Nha Quân nhu để cấp cho một số người buôn lậu, mỗi lần được 2 vạn đồng. Cửu giàu lên nhanh chóng, ăn chơi sa đọa, sắm được một chiếc thuyền đẹp để gia đình du ngoạn và tổ chức những cuộc dạ hội trên sông. Cửu hối lộ đều đặn theo từng vụ cho Châu, tổng cộng khoảng 40 vạn đồng và nhiều tài sản có giá trị.

Trong Nha, cán bộ nhân viên gọi Châu là “Châu hổ”, sợ Châu như sợ cọp. Một số cán bộ, đảng viên trong Nha không để Châu lôi kéo, đã mạnh dạn phê bình Châu. Có người do nói thẳng đã bị Châu đẩy khỏi cơ quan. Những điều tiếng xấu về Châu ngày càng nhiều. Châu gọi đó là “những câu chuyện hàm hồ, xoi mói vì ghen ghét”. Tối ngày 27 tháng 5 năm 1950, Châu gọi một nhân viên tay sai đến nhà, cho uống rượu, ăn cơm. Rồi Châu đọc cho nhân viên đó viết một bức thư gửi Đại tướng Tổng Tư lệnh, báo cáo rằng “trong Nha Quân nhu có một tổ chức gây chia rẽ và phá hoại quân đội ta”.

Nghe tin Cửu bị bắt, Châu chạy đến Cục Quân pháp để “minh oan”, xin cho Cửu tự do. Châu còn báo cáo với Bộ Quốc phòng: “Tôi xin cam đoan, nhân viên Lê Sĩ Cửu không ăn cắp một xu nhỏ”. Bộ đã bác đơn của Châu.

Quân pháp nghiêm minh

Lê Sĩ Cửu tiếp tục khai với Ban kiểm tra:

- Những tội lỗi của tôi kể trên một phần do Đại tá Trần Dự Châu xúi giục. Sở dĩ tôi làm như vậy vì tôi yên trí rằng đã có Đại tá Châu bênh vực, mọi việc không sợ gì cả !

Đến lượt Trần Dự Châu cũng thú nhận trước Ban kiểm tra:

- Tôi quả là người không liêm khiết.

Cán bộ kiểm tra hỏi Châu:

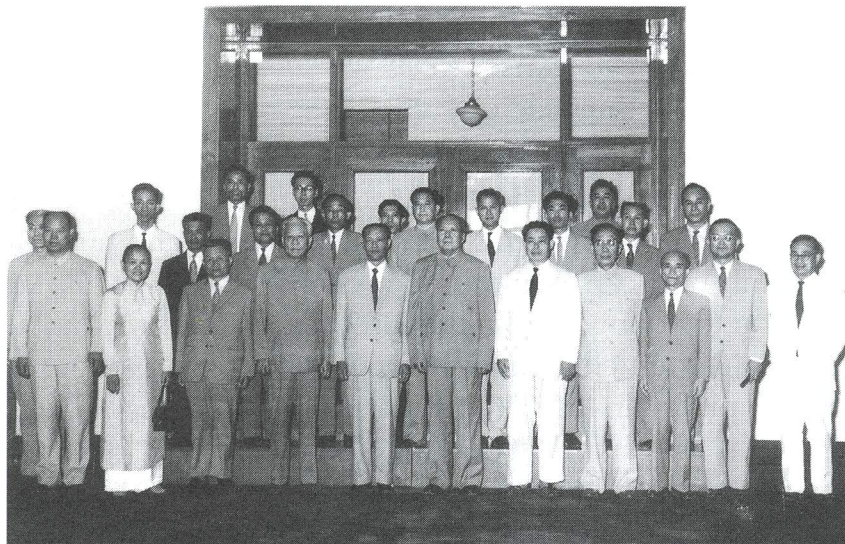
- Đã lấy của Lê Sĩ Cửu những gì ?

Châu trả lời:

- Tôi lấy nhiều lắm, không thể nhớ là bao nhiêu. Nhưng lần nào Cửu đến tôi thì cũng có ít nhiều tiền đưa tôi.

Ngày 5 tháng 9 năm 1950, tại thị xã Thái Nguyên, Tòa án Bình tối cao mở phiên tòa đặc biệt xử vụ Trần Dự Châu. Còn lâu mới tới giờ khai mạc mà trong và ngoài tòa đã chật ních người. Cửa phòng xử án treo một khẩu hiệu lớn “Nêu cao ánh sáng công lý trong quân đội”. Trong phòng xử, trên tường đối diện nhau có hai khẩu hiệu “Quân pháp vô thân” và “Trừng trị để giáo huấn”. Đúng 8 giờ, đại diện Chính phủ, Quân đội và Tòa án Bình tối cao tới, đi giữa hàng rào lính bồng súng.

Thiếu tướng Chu Văn Tấn ngồi ghế Chánh án giữa hai ông hội thẩm viên Phạm Ngọc Hải, Giám đốc Tư pháp Liên khu Việt Bắc và Trần Tấn, Phó cục trưởng Cục Quân nhu. Thiếu tướng Trần Tử Bình, đại diện Chính phủ, ngồi ghế Công cáo ủy viên. Tới dự phiên tòa còn có các ông: Nguyễn



Ông Chu Văn Tấn (hàng đầu, thứ 5 từ phải qua) cùng ông Trần Tử Bình (bìa phải) trong đoàn Quốc hội ta tiếp kiến Mao Chủ tịch và Lưu Chủ tịch, Bắc Kinh năm 1962.

Khang, nguyên Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu Việt Bắc, Võ Dương - Liên khu Hội trưởng Liên Việt Liên khu Việt Bắc; Đỗ Xuân Dung - Giám đốc Công chính Liên khu Việt Bắc, Bác sĩ Vũ Văn Cẩn cùng đại biểu quân đội, đại diện các đoàn thể nhân dân và các nhà báo.

Tiếng gọi các bị cáo vang trong phòng họp. Bị cáo Lê Sĩ Cửu vắng mặt vì ốm nặng. Thiếu tướng Chánh án hỏi các bị cáo. Trần Dự Châu bước ra trước vành móng ngựa, nói nhiều về công lao và thành tích cách mạng của mình, cho rằng do nhân viên làm bậy là chính mà mình không kiểm soát được.

Thiếu tướng Công cáo ủy viên, đại diện Chính phủ, đứng lên đọc cáo trạng:

- Thưa tòa, thưa các quý vị !

Trong tình thế ta gấp rút chuẩn bị Tổng phản công, mọi người đang thắt lưng buộc bụng tích cực phục vụ kháng chiến; ngoài tiền tuyến, quân đội ta đang hy sinh để đánh trận căn bản mở màn cho chiến dịch mới, tôi yêu cầu tòa dùng những luật hình sẵn có để xử Trần Dụ Châu, dựa trên chỉ thị căn bản của vị Cha già dân tộc: là cán bộ phải Cần - Kiệm - Liêm - Chính. Việc phạm pháp của Trần Dụ Châu xảy ra trong không gian Việt Bắc, nơi thai nghén nền độc lập của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đã làm vẩn đục Thủ đô kháng chiến...

Để đền nợ cho quân đội; để làm gương cho cán bộ và nhân dân; để cảnh tỉnh những kẻ đang miệt mài nghĩ những phương kế xoay tiền của Chính phủ; để xử tử vắng mặt những lũ bày ra mưu nọ kế kia, lừa trên bịp dưới; để trừ hết loài mọt quỳ, tham ô dâm dăng; để làm bài học cho những ai đang trục lợi kháng chiến, đang cậy quyền, cậy thế để loè bịp nhân dân; bản án mà tòa sắp tuyên sau đây phải là một bài học đạo đức cách mạng cho mọi người; nó sẽ làm cho lòng công phẫn của nhân dân được thỏa mãn, làm cho nhân dân thêm tin tưởng, nỗ lực, hy sinh cho cuộc toàn thắng của nước nhà.

Vì vậy, tôi yêu cầu tòa xử phạt:

1. Trần Dụ Châu: tử hình.
2. Tịch thu ba phần tư tài sản.

3. Tịch thu những tang vật hối lộ trái phép.

4. Phạt tiền gấp đôi những tang vật hối lộ và biển thủ.”

Trần Dụ Châu tái mặt, cất giọng yếu ớt xin tòa tha thứ. Thiếu tướng Chánh án tuyên bố tòa nghỉ để họp kín.

15 phút sau, tòa trở ra tiếp tục họp. Thiếu tướng Trần Tử Bình đọc công lệnh của Đại tướng Tổng tư lệnh: tước quân hàm Đại tá của Trần Dụ Châu.

Thiếu tướng Chánh án đứng lên tuyên án:

- Trần Dụ Châu can tội biển thủ công quỹ, nhận hối lộ, phá hoại công cuộc kháng chiến: tử hình, tịch thu ba phần tư tài sản.

- Lê Sĩ Cửu can tội biển thủ công quỹ, thông đồng với bọn buôn lậu, giả mạo giấy tờ: tử hình vắng mặt.

Hai chiến sĩ công an dẫn Châu rời nơi xử án trở về nhà giam.

6 giờ chiều hôm sau, Trần Dụ Châu được đưa ra trường bắn trước sự có mặt của đại diện Bộ Tư pháp, Nha Công an, Cục Quân nhu và một số cơ quan khác. Một cán bộ đọc to bức công điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bác đơn xin giảm tội của Châu...

Mười một ngày sau, hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ quân nhu tận tụy và anh dũng của chúng ta đã kịp thời đưa ra mặt trận hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm, quân trang... phục vụ tốt trận đánh tiêu diệt địch ở Đông Khê, mở đầu chiến dịch quy mô lớn và dài ngày giải phóng biên giới.

GẶP LẠI NHAU TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG II

Hồi ức của đồng chí Hoàng Quốc Việt

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2 năm 1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang. Trong thời gian Đại hội, có nhiều cuộc gặp mặt cảm động của những người bạn chiến đấu trong thời kì bí mật.

Xin trân trọng giới thiệu tám ảnh kỷ niệm, chụp trước tượng đài Tổ quốc ghi công tại Đại hội II, của ba lão đồng chí Phan Trọng Tuệ, Hoàng Quốc Việt và Trần Tử Bình.

Đồng chí Hoàng Quốc Việt tên thật là Hạ Bá Cang sinh năm 1905 tại Đáp Cầu, Võ Giàng, Bắc Ninh, trong một gia đình làm thợ. Khi đang học Trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng, đồng chí đã tham gia hoạt động. Bị đuổi học, đồng chí về hoạt động ở mỏ than Phấn Mễ (Thái Nguyên), mỏ than Mạo Khê (Quảng Ninh) rồi về Hải Phòng. Năm 1928, tham gia Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội và được cử vào Nam Kỳ. Đầu năm 1930, trên đường ra Bắc dự



*Các đồng chí Phan Trọng Tuệ, Hoàng Quốc Việt
và Trần Tử Bình tại Đại hội Đảng II.*

hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thì bị bắt. Kẻ địch tra tấn đồng chí đến què chân, kết án chung thân và đày biệt xứ ra Côn Đảo. Trong hội nghị hợp nhất, tuy vắng mặt nhưng vì uy tín cao nên đồng chí Hoàng Quốc Việt vẫn được bầu vào Trung ương. Năm 1936, mãn hạn tù, đồng chí về hoạt động ở Hà Nội. Tuy chân đi khắp khiêng nhưng đồng chí thoát ẩn thoát hiện, kẻ địch không tài nào bắt được nên giặc Pháp gọi đồng chí là Cang “thọt”.

Đồng chí Trần Tử Bình tên thật là Phạm Văn Phú, sinh năm 1907, trong một gia đình nông dân nghèo theo đạo

Thiên Chúa gốc Bình Lục, Hà Nam. Trẻ nhất trong ba người là đồng chí Phan Trọng Tuệ, quê ở Sơn Tây nhưng sinh năm 1917 tại Viêng Chăn (Lào), trong một gia đình Việt kiều. Đồng chí sớm giác ngộ và về nước hoạt động trong phong trào Dân chủ, được kết nạp Đảng năm 1934. Những năm 1940-1943, là Xứ ủy viên Bắc Kỳ phụ trách Liên tỉnh A (Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Hòa Bình). Tháng 5 năm 1943, đồng chí bị mật thám bắt ở Hà Nam và sự việc như sau:

Sau thất bại Nam Kỳ khởi nghĩa, khắp nơi u ám không khí khủng bố, nhiều cơ sở cách mạng bị tan vỡ. Ngày 6 tháng 5 năm 1943, đồng chí Hạ Bá Cang (người được anh em gọi là “thượng cấp”) chủ trì hội nghị Xứ ủy Bắc Kỳ, phổ biến nghị quyết Thường vụ Trung ương về công tác củng cố cơ sở tại các địa phương, quanh khu vực Hà Nam. Hai xứ ủy viên Tuệ và Phu được báo về họp tại một địa điểm thuộc huyện Bình Lục, theo mật hiệu và quy định thống nhất. Cuộc họp được tiến hành nhanh gọn, kết thúc ngay buổi chiều. Để đảo bảo an toàn, cơ sở bố trí cho ba người nghỉ ở một trang trại giữa cánh đồng. Ba anh em tâm sự đến khuya mới đi ngủ. Vì trong hàng ngũ có kẻ khi bị bắt không chịu được tra tấn đã khai ra thời gian, địa điểm hội nghị và Sở Mật thám Nam Định đã tổ chức vây bắt. Đang ngủ nghe tiếng chó sủa từ phía đầu làng, đồng chí Phu thức giấc. Chó sủa mỗi lúc một rít. Thấy không ổn, đồng chí Phu vội đánh thức “thượng cấp”, đồng thời giật võng báo đồng chí Tuệ: “Trốn, có

mật thám vây!”. Rồi đồng chí Phu vạch liếp, dẫn “thượng cấp” vòng ra sau vườn, chui qua rặng dâm bụt, chạy ra cánh đồng. Đồng chí Tuệ không may bị bắt. Chúng giải về Phủ Lý tra khảo nhưng không sao khai thác được bí mật. Thực dân Pháp đưa đồng chí ra tòa, kết án 27 năm tù giam, đưa đi đày ở Sơn La, rồi ra Côn Đảo.

Sau lần đưa “thượng cấp” thoát hiểm, đến tháng 12 năm đó, đồng chí Phu cũng bị bắt ở Thái Bình, do có kẻ phản bội. Khi bị tạm giam ở Hà Nam, đồng chí tìm cách vượt ngục nhưng bị lộ. Chúng kết án 20 năm khổ sai và đầu năm 1944, đưa đồng chí về giam tại Hỏa Lò. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp. Đêm 11 tháng 3, lợi dụng sơ hở trong việc quản lí nhà tù, đồng chí cùng anh em tổ chức vượt ngục thành công cho Bí thư Xứ ủy Trần Đăng Ninh (án tử hình). Các đêm từ ngày 12 đến 16 tháng 3, đồng chí cùng 80 anh em tù chính trị tổ chức thành công cuộc vượt ngục theo đường cống ngầm trở về với phong trào. Ra rù, đồng chí được phân công về xây dựng Chiến khu Hòa - Ninh - Thanh, sau đó bàn giao lại cho đồng chí Văn Tiến Dũng. Tháng 8 năm đó, khi các đồng chí Trung ương và Xứ ủy được triệu tập lên Tân Trào dự hội nghị toàn quốc thì đồng chí Phạm Văn Phu cùng Thường vụ Xứ ủy Nguyễn Khang được phân công ở lại trực Xứ ủy, tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

Cuối năm 1945, từ Nam Bộ ra, đồng chí Việt báo tin đã gặp lại Phan Trọng Tuệ. Từ Côn Đảo, tháng 9 tháng

1945, đồng chí Tuệ được tổ chức đón về và tham gia lãnh đạo kháng chiến chống Pháp ở miền Tây Nam Bộ.

...Tháng 2 năm 1951, tại Đại hội Đảng II, đồng chí Phan Trọng Tuệ được cử ra dự với tư cách đại biểu Nam Bộ, còn đồng chí Trần Tử Bình là đại biểu quân đội. Thế là, kể từ ngày ba anh em bị mật thám Pháp vây ráp ở Hà Nam đã chục năm trôi qua. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, ba anh em kéo nhau ra trước tượng đài Tổ quốc ghi công trò chuyện. Đồng chí Tuệ nhắc lại chuyện cũ:

- Lần đó, các anh chạy nhanh quá. Biết bị vây sao anh Bình không báo tôi ?

Đồng chí Bình nghe vậy phá lên cười:

- Tôi đã giật võng báo ông, rồi phải đưa “thượng cấp” chạy ngay. Không thì bị bắt cả lũ. Ít lâu sau, tôi còn nghe trong nhân dân truyền miệng huyền thoại: đêm đó, bị mật thám vây tứ phía mà ông Cang “thọt” vẫn bình tĩnh bật người, túm lấy ngọn tre, vọt ra ngoài biến mất !

Lúc bấy giờ đồng chí Tuệ mới tiếp:

- Thấy bị rơi xuống đất, tưởng mình nằm mơ, tôi lại trèo lên võng ngủ tiếp. Ai ngờ...

Khi đó, đồng chí Hoàng Quốc Việt vui vẻ xen vào: “Tại ngày ấy chú Tuệ còn trẻ quá, mới có 26, đang tuổi ăn tuổi ngủ”. Thế rồi cả ba cùng cười vang một góc rừng...

Tình đồng chí, tình bạn thân thiết từ những ngày hoạt động bí mật gắn kết ba đồng chí đến mãi những năm cuối đời. Cuộc đời của những bậc lão thành cách mạng thật đáng kính trọng !

CHUYỆN VỀ TẤM ẢNH KỶ NIỆM TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ II¹

Kháng Chiến - Kiến Quốc

Trong một dịp trở ra Hà Nội, chúng tôi được Bùi Việt Sơn (con trai lão đồng chí Bùi Lâm) tặng một tấm ảnh quý với chú thích: “Tặng anh tấm ảnh của các cụ nhà mình gặp lại nhau trong Đại hội II tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang) đầu năm 1951”. Chúng tôi bồi hồi tưởng nhớ tới từng người trong bức ảnh...

Trong ảnh từ bên trái qua, người mặc áo trắng, đầu đội mũ nồi đứng đầu là cha chúng tôi – ông Trần Tử Bình. Trong Đại hội này, ông là đại biểu quân đội. Đứng cạnh ông là đồng chí Nguyễn Văn Vịnh, quê ở Nam Lợi, huyện Nam Trực, Nam Định. Những năm kháng chiến chống Pháp, đồng chí từng là Chính ủy Khu VIII. Trong Đại hội, đồng chí là đại biểu Nam Bộ, sau này là Trung tướng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất Trung ương.

¹ Bài đăng trên Báo Sài Gòn Giải phóng, ngày 28-1-2004.



*Những người đồng hương, những bạn tù
gặp lại nhau trong Đại hội Đảng II.*

Người đứng giữa tay cầm thuốc lá là đồng chí Phan Trọng Tuệ, quê ở Sơn Tây nhưng sinh năm 1917, tại Viêng Chăn (Lào). Đồng chí vào Đảng năm 1934. Đến năm 1943, khi là Xứ ủy viên Bắc Kỳ thì bị bắt và bị đày ra Côn Đảo. Đến tháng 8 năm 1945, đồng chí được đón về, tham gia lãnh đạo kháng chiến chống Pháp ở miền Tây Nam Bộ. Đồng chí ra dự Đại hội với tư cách đại biểu Nam Bộ.

Người đứng ngoài cùng bên phải khoác áo dạ đen có một cuộc đời chìm nổi. Đó là đồng chí Bùi Lâm, sinh năm 1905 tại Nam Định, từng là thủy thủ tàu viễn dương. Năm 1922, đồng chí gặp Nguyễn Ai Quốc tại Pháp rồi cùng

tham gia xuất bản tờ Báo *Le Paria* (*Người Cùng Khố*). Những năm 1926-1929, đồng chí được cử đi học Trường Đại học Phương Đông (Matxcova), khi trở về nước đã tham gia thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng vào năm 1930. Trong vụ cùng Lý Tự Trọng, Lê Văn Lương giết tên cò Lơ-grăng tại vườn hoa Tao Đàn, đồng chí cùng hơn 100 thanh niên đã bị bắt và đưa ra xét xử¹ tại Tòa Đại hình Sài Gòn, sau đó bị đày ra Côn Đảo. Đến năm 1936 mới được trả về đất liền nhưng lại bị bắt vào năm 1939. Tới tháng 3 năm 1945 đồng chí tham gia cuộc vượt ngục lịch sử ở nhà tù Hỏa Lò, trở về với phong trào. Năm 1946, Bùi Lâm được Cụ Hồ giao nhiệm vụ làm Chánh án Tòa án quân sự đặc biệt xử vụ Ôn Như Hầu. Đây là vụ án đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Người ngồi trước cha chúng tôi là đồng chí Đinh Đức Thiện, sinh năm 1913, quê Nam Định. Đồng chí gia nhập Đảng năm 1939 và hoạt động ở Vinh Yên, Bắc Giang đến năm 1945. Đã hai lần bị thực dân Pháp bắt. Tháng 8 năm 1945, đồng chí tham gia lãnh đạo khởi nghĩa ở Vinh Yên và năm 1950 thì chuyển vào quân đội làm Cục trưởng Cục Vận tải (Tổng cục Cung cấp). Tại Đại hội II, đồng chí là đại biểu quân đội.

Người ngồi giữa là cụ Nguyễn Lương Bằng, sinh năm 1904 và là đảng viên thời kì dựng Đảng. Cụ được các đồng chí trong Đảng tin yêu, kính trọng gọi là “Anh Cả”. Ngồi cạnh cụ là đồng chí Hoàng Tùng, quê ở Hà Nam

¹ Chính quyền Pháp gọi đây là “vụ án Đông Dương Cộng sản Đảng”.

(đồng hương với cha tôi), đại biểu các cơ quan Trung ương; sau này làm Tổng biên tập Báo Nhân Dân.

Họ là những bạn tù Sơn La, Côn Đảo, những đồng chí từ những ngày hoạt động bí mật. Có những người phải chục năm mới gặp lại nhau, tuy tuổi tác chênh lệch nhưng cư xử rất chân tình.

* * *

... Sau ngày hòa bình, từ Việt Bắc trở về Hà Nội, cha chúng tôi vẫn giữ quan hệ thân thiết với bạn bè thời kì bí mật. Ngoài quan hệ công tác, ông cùng các chú, các bác có thú vui thể thao dã ngoại - săn chim, săn thú (thời đó chưa cấm săn bắn như bây giờ). Hội săn của các tướng lĩnh được thành lập. Bộ tư lệnh Công an vũ trang có các chú Phạm Kiệt, Phan Trọng Tuệ; Bộ Quốc phòng có chú Nguyễn Văn Vịnh, Đinh Đức Thiện, Chu Văn Tấn... Cha tôi có hai khẩu: một nòng và hai nòng bắn đạn “ca-líp đuôi”. Ông có hẳn một bộ đóng đạn ria thủ công. Được tặng mảnh dù rằn ri chiến lợi phẩm ở mặt trận Điện Biên Phủ, cha tôi cho cắt may thành áo ngụy trang đi săn.

Những sáng chủ nhật rảnh rỗi, các tướng lĩnh hẹn nhau đi từ sớm. Khi thì về các đầm, hồ ở mạn Hà Nam, lúc đến vùng rừng núi Tam Điệp, Ninh Bình săn sơn dương, bữa lại về bắn ngỗng trời bên kia sông thị xã Hưng Yên, hay lên săn thú ở rừng núi Thái Nguyên. Bọn trẻ con chúng tôi thì ở nhà chờ “chiến lợi phẩm”. Chiều về, thấy phụ huynh chân lấm tay bùn nhưng hể hả xách những le le, mòng két, những ngỗng giò, vịt giò... Tất cả được chia đều cho

mọi nhà. Bọn trẻ con hò reo, giơ cao “chiến lợi phẩm”, mang đi khoe khắp xóm. Chính nhờ quan hệ này mà con cái thế hệ chúng tôi cũng thân thiết với nhau.

Cha tôi rất quý bác Cả. Mỗi lần từ Trung Quốc về, ông đều sắp xếp thời gian xuống thăm bác. Buổi tối, ông lững thững đi bộ từ Trần Hưng Đạo, dọc theo Yết Kiêu xuống nhà hai bác ở phố Thiên Quang. Cha tôi thường kể cho nghe: “Với cha, bác Cả là một tấm gương sáng. Bác cũng là bạn tù Hỏa Lò và bị giam tại đây hai lần - lần đầu vào năm 1931, lần thứ hai kéo dài 10 năm (từ năm 1933 đến 1943) chờ kết án rồi bị đày đi Sơn La. Tháng 10 năm 1943, bác cùng anh em tù chính trị vượt ngục Sơn La, trở về với phong trào. Sau đó, bác được bổ sung vào Thường vụ Trung ương, phụ trách Tài chính. Trong những ngày khó khăn nhất, với trọng trách của mình bác giữ gìn cẩn thận từng cắc bạc, hạt muối, không hề tư lợi. Bác được anh em kính trọng. Cương nghị, thẳng thắn, liêm khiết là những đức tính của bác mà các con phải học tập !... Ngày mẹ các con ốm nặng ở Việt Bắc phải nhờ có thuốc của bác cho mới khỏi. Đừng bao giờ quên ơn ấy !”.

* * *

Sau hơn nửa thế kỷ, sáu đồng chí trong bức ảnh đã đi xa. Nhân dịp Xuân Giáp Thân sắp đến, xin thấp những nén nhang để tưởng nhớ những đồng chí đã đóng góp sức lực, trí tuệ và xương máu cho Tổ quốc; đồng thời xin chúc đồng chí Hoàng Tùng mạnh khỏe, sống lâu !

TRƯỜNG LỤC QUÂN VIỆT NAM VỚI CHÍNH ỦY TRẦN TỬ BÌNH

Trung tướng Đỗ Trình¹

Tôi cùng sống và công tác với anh Trần Tử Bình trong khoảng 5 năm, từ năm 1950 đến 1955, ở Trường Lục quân Việt Nam, từ khóa V đến khóa IX. Lúc đó, anh Trần Tử Bình là Chính ủy, Bí thư Đảng ủy, còn tôi là Đảng ủy viên, Chủ nhiệm Huấn luyện nhà trường.

Trong công tác và sinh hoạt, anh Trần Tử Bình có nhiều phẩm chất nổi bật. Trước hết, đó là tinh thần đoàn kết, hợp tác: đoàn kết trong nội bộ Đảng ủy, đoàn kết giữa lãnh đạo và cán bộ cấp dưới, đặc biệt là đoàn kết giữa các đồng chí Việt Nam với các cố vấn Trung Quốc. Thời gian đó, Trường Lục quân Việt Nam đóng quân ở Trung Quốc, lúc đầu ở Côn Minh (Vân Nam), sau về Quế

¹ Nguyên Chánh văn phòng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Chức danh Giáo sư ngành Khoa học quân sự.



*Ban Giám hiệu nhà trường ở Quế Lâm năm 1955.
Hàng ngồi từ trái qua: đồng chí Đỗ Trinh (1), Trần Tử Bình (3).*

Lâm (Quảng Tây). Trong trường, ở cơ quan Hiệu bộ và các tiểu đoàn học viên đều có cố vấn Trung Quốc. Chính nhờ sự chăm lo, tăng cường đoàn kết của đồng chí Chính ủy và của Đảng ủy với các đồng chí cố vấn đã động viên họ tích cực, hết lòng truyền đạt kinh nghiệm và kiến thức cho các đồng chí Việt Nam.

Tinh thần đoàn kết hợp tác vì công việc chung giữa Chính ủy và Hiệu trưởng Lê Thiết Hùng rất chặt chẽ, làm gương cho mối quan hệ giữa thủ trưởng chính trị và quân sự ở các cấp trong nhà trường.

Một nét đặc sắc trong cách xử sự của anh Trần Tử Bình là tinh thần thẳng thắn phê bình và tự phê bình. Trong anh em đồng chí, ai có ưu điểm, khuyết điểm gì là anh chỉ ra một cách thân ái và thẳng thắn. Nhờ đó các đảng viên hết lòng gắn bó với đồng chí Chính ủy và với Đảng ủy nhà trường.

Một ưu điểm nổi bật nữa là, anh luôn lắng nghe các ý kiến đóng góp với lãnh đạo, cho dù đó là ý kiến của cố vấn, của phái viên cấp trên hay là của cán bộ, học viên trong trường. Nhờ đó đã kịp thời khắc phục được một số khuyết điểm, vấp vấp trong công tác. Có lần, nhà trường phạm sai lầm, quy oan cho một số cán bộ, học viên trong lúc tiến hành “phản tỉnh”. Nhờ chịu khó lắng nghe người bị quy oan, lại lắng nghe ý kiến phái viên của Bộ, lắng nghe cố vấn mà nhà trường đã phát hiện ra sai lầm và kịp thời khắc phục.

Chuyện thế này, hồi đó, có nhiều anh em học viên “tự nhận” là Việt gian, gián điệp. Ở một đại đội có học viên nhận đã chỉ điểm cho máy bay Pháp oanh tạc vào cơ quan Chính phủ và nơi đóng quân của ta. Nghe tin, đồng chí Trần Tử Bình triệu tập họp Đảng ủy. Đồng chí “gián điệp” được mời dự đã tự nhận: “Tôi đúng là Việt gian, đúng là người đã chỉ điểm cho máy bay địch oanh tạc. Tôi có tội với Tổ quốc và không có gì để nói thêm cả.” Khi anh ta ra về, trong Đảng ủy đã trao đổi và một Đảng ủy viên khẳng định: “Như vậy đã rõ, ở tiểu đội khai là Việt gian, lên gặp Đảng ủy cũng khai là Việt gian... Thế thì còn gì phải bàn? Thử hỏi trong Đảng ủy chúng ta có ai dám đứng ra tự nhiên xưng là Việt gian?”. Khi đó đồng chí Bí thư đã kết luận: “Nghe vậy, biết vậy và cần phải tiếp tục điều tra!”.

Sự việc “phản tỉnh” được báo cáo về Bộ, Quân ủy phái ngay đồng chí Ngô Minh Loan (Cục trưởng Cục

Bảo vệ) sang giúp nhà trường điều tra. Đồng chí Loan sang truyền đạt tinh thần của Tổng Quân ủy là: Bộ đội ta, cán bộ ta cơ bản là tốt và những người đơn vị cử về học ở Lục quân đều được chọn lọc cẩn thận. Hiện tượng Việt gian tràn lan trong trường cần được thẩm tra một cách kỹ càng ! Quán triệt tinh thần này, đồng chí Trần Tử Bình yêu cầu Đảng ủy tiếp tục xem xét và bàn với đồng chí Ngô Minh Loan phái người về trong nước tới địa phương và đơn vị cũ của đồng chí đó để xác minh. Đảng ủy cử người xuống bám đại đội học viên thẩm tra lại. Khi thăm hỏi thì anh em dần dần mới thổ lộ rằng, anh này trong một đêm ra bờ tường đi tiểu đã *lấy khăn mùi xoa... lau chim*. Nghe kể lại, anh em trong đơn vị rất phẫn nộ, cho rằng đây là tác phong của giai cấp tư sản, địa chủ chứ không phải là tác phong công nông chúng ta... Mà đã là tư sản, địa chủ thì thường làm tay sai cho Pháp... Vậy rất có khả năng anh ta là gián điệp (!). Sau khi đơn vị đấu tố một hồi, anh ta dần nhận mình là tay sai... sau đó nhận là đã chỉ điểm ném bom. Mà đã “nhận đầy đủ” thì anh em cho yên và lại còn được tiếng là “thành khẩn” (!). Sự việc đã rõ. Còn từ trong nước có báo cáo sang: đồng chí này rất tốt, không hề chỉ điểm cho giặc ném bom. Sau khi kiểm tra kỹ lưỡng đã xác định nhiều anh em bị quy oan và nhà trường đã chính thức minh oan. Đồng chí Trần Tử Bình tổ chức họp Đảng ủy, cho mời cả đồng chí đó. Trong cuộc họp, Bí thư đã nêu câu hỏi:

- Tổ chức đã minh oan cho đồng chí. Đồng chí vô tội nhưng tại sao lúc ấy lại tự khai là Việt gian, ngay cả khi lên gặp Đảng ủy ?

- Tôi chỉ được ngồi với Đảng ủy có một giờ đồng hồ, còn tôi sống với tiểu đội cả ngày, cả tuần, cả tháng... Nếu bấy giờ tôi khai là không phải, khi về nhà sẽ bị tiểu đội đấu là “đã phản cung”, tôi không chịu được. - Đồng chí giờ hai bàn tay đây những vết sẹo hằn ngang, cả trên và dưới, nói tiếp - Lúc anh em đấu, tôi phải kéo giát giường lên, nhét bàn tay xuống dưới rồi ngồi đè lên trên, cho thật đau. Chảy cả máu. Lúc ấy tai tôi mới có thể “chấp nhận” được ý kiến của anh em. Ai muốn nói gì thì nói, tôi nhận hết...

Tóm lại, một chuyện không có thật nhưng qua quá trình đấu tố đã quy oan cho một số đồng chí. Chính nhờ tác phong tử mĩ, cẩn thận của đồng chí Trần Tử Bình mà đồng chí, đồng đội được minh oan.

Tác phong sinh hoạt của đồng chí Trần Tử Bình giản dị, lành mạnh, dễ thông cảm và hòa đồng với các cán bộ, đảng viên, gần gũi với các chiến sĩ. Do đó đã tạo ra trong nhà trường một không khí đoàn kết, thân ái.

Anh Trần Tử Bình đã qua đời cách đây 37 năm, nhưng mọi bạn bè, đồng chí, đồng đội đều giữ những tình cảm và kỉ niệm đẹp đẽ, không thể phai mờ theo thời gian !

Hà Nội, 10-6-2004

NHỮNG NGÀY CÙNG CÔNG TÁC VỚI ANH

Thiếu tướng Lê Chiêu kể

Một chiều tháng 8 năm 2003, hai anh em tôi tìm đến nhà Thiếu tướng Lê Chiêu. Ông sống ở Khu tập thể quân đội 16A Lý Nam Đế, Hà Nội. Bấm chuông hồi lâu mà không thấy ai ra mở cửa. Đánh liềm đẩy cửa vào thì thấy phòng khách vắng bóng người; tận phòng trong, thấy một cụ già nằm trên giường. Hai anh em chào to:

- Chào chú Lê Chiêu.

- Ai đấy? – Ông hỏi.

- Chúng cháu là con bố Trần Tử Bình, lại thăm chú đây.

- Thế à? – Ông mệt mỏi mở mắt và cố gượng dậy.

Câu chuyện giữa chúng tôi được bắt đầu... Khi gợi lại chuyện cũ, trí nhớ của ông dần được hồi phục. Ông chậm rãi kể lại...

Lần đầu gặp anh

Đầu những năm 40 thế kỷ trước, tôi thoát li đi hoạt động

cách mạng chuyên nghiệp, làm liên lạc viên. Năm 1941, được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương. Những ngày Tiền khởi nghĩa tham gia Thanh niên Tự vệ Hà Nội.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, sau cuộc mít-tinh ở Nhà hát Lớn, cánh thanh niên Tự vệ chúng tôi tiến vào Bắc Bộ Phủ. Vào đến nơi, gặp ngay anh Lê Trọng Nghĩa (Ủy viên Ủy ban Quân sự cách mạng Hà Nội) đang thắp từng anh Nguyễn Khang và Trần Tử Bình (hai Thường vụ Xứ ủy), tiến vào bắt khám sai Nguyễn Xuân Chũ. Tôi nhớ mãi hình ảnh anh Bình ngày ấy, người gầy nhưng có đôi mắt sáng và sắc sảo. Vào tới phòng làm việc của Nguyễn Xuân Chũ, thấy trên bàn có máy điện thoại, anh Bình nảy ra sáng kiến yêu cầu điện thoại viên nổi ngay máy với tỉnh trưởng các tỉnh Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Hà Nam... Anh gào lên trong máy: "Tại Hà Nội, chính quyền đã về tay Việt Minh. Thay mặt Ủy ban Quân sự cách mạng, tôi ra lệnh cho các người phải đầu hàng và nhanh chóng bàn giao chính quyền cho cách mạng. Nếu ai không thi hành sẽ bị xử tử!".

Sau đó, anh cho giải Nguyễn Xuân Chũ về ATK¹ của Xứ ủy ở Hà Đông. Đây là lần đầu tiên tôi gặp anh.

Cùng công tác ở nhà trường

Sau khi cách mạng thành công, anh Bình được phân

¹ An toàn khu.

công về Trường Huấn luyện Cán bộ Việt Nam, sau là Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, làm Chính trị ủy viên cùng Hiệu trưởng Hoàng Đạo Thúy. Năm 1947, anh về làm Phó bí thư Quân ủy Trung ương và Trưởng phòng Kiểm tra cán bộ thuộc Chính trị Cục (Quân đội quốc gia).

Không ngờ 5 năm sau, tôi gặp lại và gắn bó với anh khi cùng làm việc tại Trường Lục quân Việt Nam. Năm 1950, tôi cùng anh em hành quân sang Trung Quốc để về trường. Ngày đó, trường đóng ở Côn Minh (Vân Nam), đến năm 1954 thì chuyển về Quế Lâm (Quảng Tây). Ngày sang Trung Quốc, Bác yêu cầu đổi tên Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn thành Lục quân Việt Nam. Ở Côn Minh, anh Trần Tử Bình là Chính ủy, anh Lê Thiết Hùng là Hiệu trưởng, anh Đoàn Quang Thìn là Chính trị viên Tiểu đoàn Trung - sơ, anh Đỗ Trình phụ trách Phòng Huấn luyện, còn tôi là Trưởng phòng Chính trị. Nhà trường còn có ba tiểu đoàn học viên, chị Nguyễn Thị Hưng (vợ anh Bình) là cán bộ cấp tiểu đoàn, trực thuộc Phòng Chính trị.

Ngày ấy, Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới thành lập được ít lâu, cuộc sống của nhân dân còn thiếu thốn, nhất là tỉnh Vân Nam. Vậy mà Mao Chủ tịch đã chỉ thị: Chúng ta tuy còn nhiều khó khăn nhưng đất nước đã hòa bình, nước bạn Việt Nam đang có chiến tranh. Vì vậy dù chúng ta phải ăn cháo, thậm chí phải nhịn ăn để góp gạo giúp nhân dân Việt Nam. Riêng với Trường Lục quân Việt Nam, phải cung cấp



*Từ phải qua: Hiệu trưởng Lê Trọng Tấn, Cố vấn Lưu Nhất Chính,
Chủ nhiệm Lê Chiêu, Chính ủy Trần Tử Bình.
Quế Lâm, hè năm 1955.*

đủ gạo để học viên không bị đói, đủ sức học tập, rèn luyện, trở về đánh Pháp thắng lợi. Tuy vậy, anh Bình vẫn quán triệt trong nhà trường cho dù được Bạn giúp nhưng cũng phải hết sức tiết kiệm vì hạt gạo của nhân dân Trung Quốc cũng như của dân ta, không bao giờ được lãng phí, nhất là khi nhân dân đang còn đói ! Bữa cơm nào anh Bình cũng xuống nhà ăn trực tiếp kiểm tra. Thấy cơm ăn rơi vãi ra bàn, anh bắt nhặt từng hạt bỏ vào bát.